

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/3/2021.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Bà Phan Ngọc Giàu.

2/. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1991 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn KS, xã PD, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Võ Thanh P, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm TC, phường ..., thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/12/2020, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:**

Vào ngày 20/8/2018 chị và anh Võ Thanh P có đăng ký kết hôn với nhau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống anh, chị có con chung tên Võ Trâm A, sinh ngày 10/01/2019, hiện nay cháu A đang chung sống với chị. Quá trình chung sống anh, chị

phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, vợ chồng thường xuyên cãi vã và hai người đã sống ly thân với nhau kể từ năm 2018 cho đến nay. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với Anh Võ Thanh P.

Về con chung: chị yêu cầu được nuôi con chung tên Võ Trâm A, sinh ngày 10/01/2019, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Thanh P: Khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã thông báo hợp lệ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T nhưng anh P không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T được ly hôn với anh Võ Thanh P, về con chung giao cháu Võ Trâm A, sinh ngày 10/01/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Bị đơn anh Võ Thanh P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh P vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Thanh P.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị T và anh Võ Thanh P tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T và anh P đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày

21/7/2018, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc và có con chung là Võ Trâm A, sinh ngày 10/01/2019. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, vợ chồng thường xuyên cãi vã và hai người đã sống ly thân với nhau kể từ năm 2018 cho đến nay, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hai người không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay phía chị T muốn chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với anh P.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của chị T và anh P đã không còn, mâu thuẫn giữa các bên không thể khắc phục, cuộc sống của anh, chị đã không mang lại hạnh phúc. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T, được ly hôn với anh P để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung:

Trong quá trình chung sống Chị Lê Thị T và Anh Võ Thanh P có con chung là cháu Võ Trâm A, sinh ngày 10/01/2019, hiện nay cháu đang sống chung với chị, nay chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, độ tuổi của cháu A hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên rất cần được sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời để đảm bảo cuộc sống của cháu A được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu cho chị T nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh P, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về phân chia tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Võ Thanh P.

2/ Về con chung: Giao cháu Võ Trâm A, sinh ngày 10/01/2019 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh P, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện hợp pháp quyền này.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007641 ngày 20/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phạm Quang Nhuận

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường 2, thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận